

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 846/2022/HC-ST

Ngày: 14-6-2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hải Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Hạnh

2. Ông Trần Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Trương Thị Hồng Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2021/TLST-HC
ngày 21 tháng 5 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2025/2022/QĐXXST-HC ngày 25 tháng 5
năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Phan Kiến H, sinh năm 1963; Địa chỉ: huyện B,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm
1960 và bà Đỗ Thị Á T, sinh năm 1999. Là đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy
quyền số công chứng 004251 lập ngày 04/5/2022 tại Văn phòng công chứng A,
huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B Thành phố Hồ Chí
Minh; Địa chỉ: thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B. Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 848/GUQ-UBND ngày 29/3/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Bà Phan Thị Bảo C – Phó trưởng Phòng Quản lý đô thị huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trương Hồng V – Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Hữu Thành T – Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1968; Địa chỉ: huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người khởi kiện ông Phan Kiến H, Đại diện người khởi kiện Bà Võ Thị Mỹ D và bà Đỗ Thị Á T có mặt; Đại diện Người bị kiện ông Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Ngọc T có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Phan Thị Bảo C, bà Trương Hồng V, ông Nguyễn Hữu Thành T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện, ông Phan Kiến H trình bày:

Tháng 3/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T huyện B lập Biên bản vi phạm hành chính, sau đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 về xử phạt vi phạm hành chính là quá thời hạn xử phạt, vì công trình được xây dựng vào năm 2016. Từ năm 2016 đến thời điểm tháng 01/2021 ông không xây dựng gì trên đất. Ông chỉ che nắng mưa bằng bạt nhựa tạm di động có gắn bánh xe và đặt các thùng xe container để cho thuê kinh doanh bán nước uống giải khát và mua bán thùng xe ô tô theo Giấy phép kinh doanh đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp. Hơn nữa, công trình trên đất được xây dựng năm 2016 nhưng lại áp dụng Nghị định xử phạt năm 2017 là không đúng quy định pháp luật.

Tại Biên bản vi phạm hành chính, ông có ký tên nhưng đã ghi rõ nội dung các công trình này được dựng từ năm 2016.

Đối với Quyết định số 371/QĐ-CCXP ngày 23/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B cũng không đúng quy định pháp luật, vì ghi ông H tự chuyển mục đích sử dụng đất là không đúng, ông H chỉ sử dụng sai mục đích sử dụng đất.

Hiện nay, ông đã tự nguyện tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất.

Nay, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 371/QĐ-CCXP ngày 23/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Tại công văn số 764/UBND ngày 23/3/2022, Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B do ông Nguyễn Văn T là người đại diện hợp pháp trình bày:

- Về trình tự ban hành quyết định:

Ủy ban nhân dân thị trấn T lập Biên bản số 636/BB-VPHC ngày 22/3/2021 về vi phạm hành chính về lĩnh vực hoạt động xây dựng tại một phần thửa 614, tờ bản đồ số 18 (BĐĐC) và một phần thửa 591, tờ bản đồ số 03 (Tài liệu 02/CT-UB), tại thị trấn T, huyện B:

Công trình với kết cấu: Cột sắt, vách tôn, mái tôn; Diện tích: $(12,0\text{m} + 11,0\text{m})/2 \times 11,30\text{m} = 129,95\text{m}^2$; $3,0\text{m} \times 11,90\text{m} = 35,70\text{m}^2$; $3,30\text{m} \times 6,80\text{m} = 22,44\text{m}^2$.

Ngày 24/3/2021, Ủy ban nhân dân thị trấn T ban hành Công văn số 656/UBND về việc đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng đối với ông Phan Kiến H và bà Lê Ngọc T.

Ngày 31/3/2021, Ủy ban nhân dân thị trấn T lập Biên bản số 723/BB-XM xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính.

Ngày 01/4/2021, Ủy ban nhân dân thị trấn T ban hành Công văn số 726/UBND về xác minh thời điểm vi phạm và hành vi vi phạm của ông Phan Kiến H và bà Lê Ngọc T, tại thị trấn T.

Ngày 07/4/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phan Kiến H

và bà Lê Ngọc T; Cùng ngụ tại địa chỉ: thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21/7/2021, Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định số 333/QĐ-ĐCXPVPHC về đính chính Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B (đính chính sai sót về số thửa).

Ngày 23/8/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 371/QĐ-CCXP về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phan Kiến H và bà Lê Ngọc T.

- Về quy hoạch, pháp lý sử dụng đất:

+ Về quy hoạch xây dựng: Vị trí công trình vi phạm xây dựng có một phần diện tích thuộc quy hoạch đất nhóm nhà ở hiện hữu cải tạo - chỉnh trang và một phần diện tích thuộc quy hoạch đường giao thông theo Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu Trung tâm - dân cư T đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kèm theo Quyết định số 6368/QĐ-UBND ngày 09/10/2013.

+ Về quy hoạch sử dụng đất: Căn cứ Quyết định số 4483/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất đầu năm của điều chỉnh quy hoạch huyện B, vị trí công trình có một phần diện tích thuộc quy hoạch đất ở tại đô thị và một phần diện tích thuộc quy hoạch đất giao thông.

+ Về pháp lý sử dụng đất: Khu đất có công trình xây dựng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03401 ngày 10/5/2018; Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị (161,0m²), đất trồng cây lâu năm (425,90m²); Chủ sử dụng đất là ông (bà) Phan Kiến H - Lê Ngọc T và Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2352/QSĐĐ ngày 29/10/2003; Mục đích sử dụng đất: 2L; Chủ sử dụng là bà Lê Ngọc T.

Từ những cơ sở trình bày nêu trên, việc Chủ tịch ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 371/QĐ-CCXP ngày 23/8/2021 đối với ông Phan Kiến H và bà Lê Ngọc T là đúng quy định. Do đó, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Kiến H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Ngọc T trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Phan Kiên H.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu khởi kiện đã trình bày. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Người bị kiện trình bày ý kiến: Giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử bác các yêu cầu của Người khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình do Luật Tố tụng hành chính quy định.

+ Về nội dung: Do yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Người bị kiện, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 371/QĐ-CCXP ngày 23/8/2021 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B là quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ban hành ngày 07/4/2021, Quyết định số 371/QĐ-CCXP ban hành ngày 23/8/2021.

Ông Phan Kiến H nộp đơn khởi kiện ngày ngày 15/4/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/11/2021. Căn cứ theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, xác định còn thời hiệu khởi kiện.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan Kiến H, yêu cầu hủy các quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 371/QĐ-CCXP ngày 23/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 28, điểm b, đ Khoản 2 Điều 38, Điều 54, điểm d Khoản 2 Điều 86, điểm a Khoản 1 Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có quyền xử phạt vi phạm hành chính; cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và được giao quyền xử phạt cho cấp phó. Do đó, việc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B căn cứ vào Quyết định số 633/QĐ-GQCC ngày 03/10/2020 về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B để ban hành Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 371/QĐ-CCXP ngày 23/8/2021 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng thẩm quyền.

[4.2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Ngày 22/3/2021, Ủy ban nhân dân thị trấn T lập Biên bản vi phạm hành chính số 636/BB-VPHC về lĩnh vực hoạt động xây dựng tại một phần thửa 614, tờ bản đồ số 18 (BĐĐC) và một phần thửa 591, tờ bản đồ số 03 (Tài liệu 02/CT-UB), tại thị trấn T, huyện B.

Ngày 24/3/2021, Ủy ban nhân dân thị trấn T ban hành Công văn số 656/UBND về việc đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng đối với ông Phan Kiến H và bà Lê Ngọc T.

Ngày 31/3/2021, Ủy ban nhân dân thị trấn T lập Biên bản số 723/BB-XM xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính.

Ngày 01/4/2021, Ủy ban nhân dân thị trấn T ban hành Công văn số 726/UBND về xác minh thời điểm vi phạm và hành vi vi phạm công trình của ông Phan Kiến H và bà Lê Ngọc T, tại thị trấn T.

Ngày 07/4/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phan Kiến H và bà Lê Ngọc T.

Do người khởi kiện không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên nên ngày 23/8/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 371/QĐ-CCXP về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phan Kiến H và bà Lê Ngọc T.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 58, Điều 59, Điều 63, Điều 65, Điều 66, Điều 85, điểm d Khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 371/QĐ-CCXP ngày 23/8/2021 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng trình tự, thủ tục.

[4.3] Về nội dung các quyết định:

- Xét Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 về xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B:

Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phan Kiến H và bà Lê Ngọc T trong lĩnh vực tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng; chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Vị trí tại một phần thửa 614, tờ bản đồ số 18 (BĐĐC) và một phần thửa 591, tờ bản đồ số 03 (Tài liệu 02/CT-UB), tại thị trấn T, huyện B:

Hiện trạng công trình với kết cấu: Cột sắt, vách tôn, mái tôn; Diện tích: $(12,0\text{m} + 11,0\text{m})/2 \times 11,30\text{m} = 129,95\text{m}^2$; $3,0\text{m} \times 11,90\text{m} = 35,70\text{m}^2$; $3,30\text{m} \times 6,80\text{m} = 22,44\text{m}^2$.

Thời điểm vi phạm: Tháng 01/2021.

Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền với tổng mức phạt là 48.000.000 đồng.

Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tháo dỡ công trình vi phạm. Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Tại phiên tòa và tại các bản tự khai, biên bản đối thoại: ông H thừa nhận công trình bị buộc tháo dỡ là công trình xây dựng không có giấy phép và mục đích sử dụng đất theo giấy chứng nhận là đất trồng cây hàng năm và đất trồng lúa. Tuy nhiên, công trình trên đã được xây dựng từ năm 2016. Do đó biên bản vi phạm hành chính và Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 về xử phạt vi phạm hành chính xác định thời điểm vi phạm là tháng 01/2021 là không đúng thực tế và đã hết thời hiệu xử phạt hành chính.

Xét thấy, theo lời khai của ông H và các hình ảnh về hiện trạng của công trình xây dựng bị xử phạt vi phạm hành chính do các đương sự cung cấp thì có căn cứ để xác định ông H đã xây dựng công trình với kết cấu: Cột sắt, vách tôn, mái tôn mà không có giấy phép xây dựng theo quy định tại Khoản 1 Điều 89 Luật xây dựng năm 2014.

Về thời điểm vi phạm: Ông H khai công trình xây dựng từ năm 2016, tuy nhiên ông H không chứng minh được thời điểm xây dựng. Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03401 ngày 10/5/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Phan Kiến H và bà Lê Ngọc T thì phần diện tích đất có công trình xây dựng bị xử phạt vi phạm hành chính là đất trồng; căn cứ Biên bản số 723/BB-XM ngày 31/3/2021 của Ủy ban nhân dân Thị trấn T về xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính và Công văn số 726/UBND ngày 01/4/2021 của Ủy ban nhân dân Thị trấn T về xác định thời điểm vi phạm và hành vi vi phạm công trình của ông Phan Kiến H và bà Lê Ngọc T tại thị trấn T thì có căn cứ để xác định thời điểm vi phạm là tháng 01/2021.

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B xác định hành vi vi phạm là tổ chức thi công công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng và phạt tiền với mức phạt là 25.000.000 đồng, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ phần công trình xây dựng vi phạm, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu là đúng quy định tại điểm b Khoản 5, điểm c điểm d Khoản 11 Điều 15 Nghị định số

139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03401 ngày 10/5/2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2352/QSDĐ ngày 29/10/2003 và lời khai của các bên đương sự thì diện tích đất bị xử phạt vi phạm hành chính là đất có mục đích sử dụng đất: 2L và đất trồng cây lâu năm.

Ông H xác định sử dụng khu đất trên để kinh doanh giải khát và mua bán thùng xe ô tô là đã sử dụng sai mục đích sử dụng đất, do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B xác định hành vi vi phạm là chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm thành đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và phạt tiền với mức phạt là 23.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại điểm b Khoản 3, Khoản 4 Điều 9, điểm a Khoản 2, Khoản 3 Điều 11 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; điểm d Khoản 1 Điều 57 Luật đất đai.

Do đó, xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 về xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định pháp luật.

- Xét Quyết định số 371/QĐ-CCXP ngày 23/8/2021 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B:

Do người khởi kiện không tự nguyện chấp hành quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 về xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B nên ngày 23/8/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 371/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng với quy định tại Điều 73, điểm d Khoản 2 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

- Đối với những sai sót về kỹ thuật soạn thảo trong nội dung các quyết định:

Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có sai sót về số thửa đất, số chứng minh nhân dân và họ tên của ông Phan Kiến H; Quyết định số 371/QĐ-CCXP ngày 23/8/2021 có sai sót về số chứng minh nhân dân và họ tên của ông Phan Kiến H. Tuy nhiên, Chủ tịch

Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định số 333/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 21/7/2021 về việc đình chính Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B để đình chính số thửa đất và ban hành Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 về việc đình chính Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 371/QĐ-CCXP ngày 23/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B để đình chính số chứng minh nhân dân và họ tên của ông Phan Kiến H.

Như vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 333/QĐ-ĐCXPVPHC ngày 21/7/2021 và Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 không làm ảnh hưởng đến giá trị pháp lý của Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 và Quyết định số 371/QĐ-CCXP ngày 23/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Ngoài ra, ông Phan Kiến H có đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, tuy nhiên, tại thời điểm Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ đối với toàn bộ hiện trạng thực tế tại một phần thửa đất số 614, tờ bản đồ số 18 (tài liệu BĐĐC) thuộc bộ địa chính thị trấn T, huyện B ông Phan Kiến H đã tự nguyện tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng bị xử phạt vi phạm hành chính.

Từ những phân tích trên, nhận thấy việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 về xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định số 371/QĐ-CCXP ngày 23/8/2021 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Phan Kiến H về việc yêu cầu hủy các quyết định trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.384.000 đồng ông Phan Kiến H tự nguyện chịu.

[6] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ông Phan Kiến H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng đối với những yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, điểm a Khoản 2 Điều 116, Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 28, điểm b điểm đ Khoản 2 Điều 38, Điều 54, Điều 58, Điều 59, Điều 63, Điều 65, Điều 66, Điều 73, Điều 85, điểm d Khoản 2 Điều 86, điểm a Khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Căn cứ điểm b Khoản 5, điểm c điểm d Khoản 11 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà ở và công sở;

- Căn cứ điểm b Khoản 3, Khoản 4 Điều 9, điểm a Khoản 2, Khoản 3 Điều 11 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Căn cứ điểm d Khoản 1 Điều 57 Luật đất đai 2013;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử :

1. Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Phan Kiến H, gồm các yêu cầu sau:

Yêu cầu hủy Quyết định số 182/QĐ-XPVPHC ngày 07/4/2021 về xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu hủy Quyết định số 371/QĐ-CCXP ngày 23/8/2021 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Phan Kiến H tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.384.000 (một triệu ba trăm tám

mười bốn nghìn) đồng. Ông Phan Kiến H đã nộp xong chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Phan Kiến H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0094139 ngày 14/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hải Vân